

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/DS-ST

Ngày: 01/9/2017

V/v: Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ
TỈNH KIÊN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đào Đức Luân**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trương Hoài Khanh**

2. Bà **Trần Lệ Nga**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đồng Thanh Lam** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 năm 2017 và 01 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 46/2017/TLST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2017/QĐXX-ST, ngày 01 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Minh T**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Số 28, đường S, KP. S, P. Th, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Hiện cư ngụ tại: Số 116, đường Tôn Quang Huy, KP. Nam Cao, P. Vĩnh Quang, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Lê Hồng P**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 85-87, đường S, KP. S, P. Th, TP. G, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Trang Thanh Q**, sinh năm 1972 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 21 (phòng trọ số 2), đường NT, khu phố NC, P. VQ, TP. G, Kiên Giang.

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 533, đường MC, P. VQ, TP. G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/10/2016 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T trình bày:** Do ở gần nhà nên bà và anh Lê Hồng P quen biết nhau. Khoảng tháng 4/2015, bà có cho anh Ph vay số tiền 12.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 4%/tháng, lúc đó anh Ph hứa 01 tháng sau sẽ trả cả nợ gốc và nợ lãi cho bà. Đến giữa tháng 5/2015, anh Ph có đóng lãi cho bà được 600.000 đồng thì ngưng không đóng nữa. Đến khoảng tháng 7-8/2015, anh Ph vay bà thêm số tiền 7.000.000 đồng và nói là để chuộc vàng ở tiệm cầm đồ. Nguồn tiền mà bà cho anh Ph vay có được là do bà đi vay, mượn người khác nên bà xác định số tiền cho vay là tài sản riêng của bà, hoàn toàn không liên quan đến chồng của bà.

Như vậy, tổng cộng 02 lần vay là 19.000.000 đồng. Trong năm 2015, thông qua sự giới thiệu của người bạn nên bà mới quen biết với ông Trang Thanh Q, bà có nói với ông Q là Phước còn nợ tiền bà nhưng chưa trả nên bà có nhờ ông Q cùng bà gặp anh Ph để yêu cầu trả nợ. Đến tối ngày 17/02/2016, anh Ph hẹn bà ra quán café 007 ở đường S, P. Th, TP. G để thỏa thuận việc trả nợ, lúc đó giữa ông Q, anh Ph cùng người bạn của anh Ph tên Hữu cùng nhau thỏa thuận, bà ngồi bên kế bên nhưng không có nghe rõ nội dung các bên nói với nhau, khi ra về thì bà có nghe ông Q nói lại đã thỏa thuận xong là anh Ph sẽ trả trước 4.000.000 đồng vào ngày 18/02/2016, số tiền 10.000.000 đồng sẽ trả vào ngày 05/3/2016 nên bà đồng ý. Đến ngày 19/02/2016, ông Q đến gặp bà và có nói là anh Ph đã trả trước 4.000.000 đồng nhưng lúc đó ông Q giao cho bà chỉ có 1.500.000 đồng, bà có hỏi thì ông Q nói là ông Q mượn đỡ 2.500.000 đồng để trả tiền nhà trọ, bà không có ý kiến gì. Sau khi đến hạn trả 10.000.000 đồng mà không thấy thực hiện nên bà đến nhà anh Ph yêu cầu trả nợ nhưng anh Ph trốn tránh, cố tình không trả. Sau đó, bà có làm đơn gửi UBND phường VT yêu cầu giải quyết, tại phiên hòa giải của UBND phường VT vào ngày 08/4/2016 có mặt bà, anh Ph và anh H, bà có đề nghị anh Ph trả số tiền 10.000.000 đồng trong một lần còn nếu trả dần mỗi tháng 500.000 đồng thì phải trả

cho bà tổng số tiền 19.000.000 đồng, anh Ph và anh H không đồng ý mà chỉ đồng ý trả một lần 5.000.000 đồng là dứt điểm, không còn nợ nữa hoặc là trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 10.000.000 đồng, bà không đồng ý nên hòa giải không thành, sau đó bà làm thủ tục nộp đơn tại Tòa án nhân dân TP. G để yêu cầu giải quyết.

Nay bà T yêu cầu anh Ph trả cho bà khoản nợ gốc 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) trong một lần, không yêu cầu tính lãi. Riêng đối với số tiền ông Q còn nợ bà 2.500.000 đồng thì bà và ông Q sẽ tự thỏa thuận riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết cùng trong vụ án này.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn – anh Lê Hồng P trình bày: Anh thống nhất có vay bà T 02 lần tiền, lần đầu vào tháng 4/2015 vay số tiền 12.000.000 đồng, lần sau vào khoảng tháng 7-8/2015 vay số tiền 7.000.000 đồng dùm cho người bạn tên Nguyễn Thị Ngọc H, tổng cộng 02 lần vay là 19.000.000 đồng. Lúc đó anh và bà T thỏa thuận anh sẽ chịu trách nhiệm đóng lãi trên số tiền gốc 12.000.000 đồng, chị H đóng lãi trên số tiền gốc 7.000.000 đồng. Khoản nợ 12.000.000 đồng được chia làm 02 hình thức trả: 5.000.000 đồng trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, trả đủ 30 ngày (6.000.000 đồng) là xong khoản nợ trên; 7.000.000 đồng trả tiền đứng mỗi ngày 70.000 đồng, khi nào có nguồn tiền sẽ trả hết nợ gốc. Trong quá trình vay thì khoảng tháng 6-7/2015, anh đã đóng tiền góp gốc và lãi cho bà T được 6.000.000 đồng (trong đó gốc 5.000.000 đồng, lãi 1.000.000 đồng), đến 10 ngày sau khi trả hết khoản nợ tiền góp 5.000.000 đồng thì anh đến nhà của bà T trả tiếp số tiền nợ gốc 7.000.000 đồng nhưng khi nhận tiền thì bà T nói là số tiền 7.000.000 đồng sẽ khấu trừ qua tiền lãi của chị H còn nợ lại bà, anh không đồng ý nên hai bên có cự cãi qua lại, anh yêu cầu lấy lại số tiền 7.000.000 đồng đã đưa nhưng bà T không đồng ý trả, chẳng những vậy bà T còn qua nhà anh cự cãi, yêu cầu trả nợ. Cũng trong thời gian đó, anh trả lãi nợ trên số nợ gốc 7.000.000 đồng được 45 ngày với số tiền 3.150.000 đồng, sau đó chị H đã trả lãi được thêm 03 tháng nữa với số tiền là 6.300.000 đồng, tổng cộng anh và chị H đã trả lãi cho bà T được 9.450.000 đồng. Tất cả những lần trả nợ gốc và nợ lãi như trình bày, anh đều không có biên nhận, sổ sách ký nhận cũng như không có nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh sự việc trên nhưng anh khẳng định bà T có sổ sách ghi lại số tiền nợ, những lần anh đi đóng lãi, trả nợ gốc. Tối ngày 17/02/2016, anh có kêu bà T ra quán café 007 ở đường S để thỏa thuận việc trả nợ, lúc đó có mặt

anh, bà T, ông Q, người bạn của anh tên Hữu cùng một số người khác nhưng anh không biết tên, họ chỉ đi theo chứ không có tham gia nên anh cũng không để ý. Lúc đó, anh và bà T thống nhất là anh chỉ còn nợ bà T số tiền 14.000.000 đồng, anh trả trước số tiền 4.000.000 đồng vào ngày hôm sau và yêu cầu ông Q chứng kiến đồng thời nhận đủ số tiền 4.000.000 đồng anh trả cho bà T. Khoảng 16-17 giờ ngày 18/02/2016, anh H có gọi cho ông Q để ra quán cafe AMI ngang bến xe 30 Tháng 4, tại đó thì anh trực tiếp giao 4.000.000 đồng tiền mặt cho ông Q nhận, các bên có lập biên nhận vào ngày đó, số tiền 10.000.000 đồng sẽ trả trong ngày 05/3/2016, anh và ông Q có ký tên vào biên nhận, anh thừa nhận có sai sót là không yêu cầu bà T ký xác nhận vào biên nhận nên sau đó 03 ngày thì bà T đến nhà anh cự cãi và nói rằng không đồng ý nội dung thỏa thuận trên, bà T yêu cầu anh phải trả cho bà số tiền 19.000.000 đồng. Sau đó các bên tham gia hòa giải tại khu phố S và UBND phường VT nhưng phiên hòa giải không thành, sau khi bà T khởi kiện ra Tòa án thì anh mới biết bà T yêu cầu anh trả số tiền 15.000.000 đồng căn cứ theo bản gốc biên nhận nợ số tiền 19.000.000 đồng (không thể hiện thời gian lập biên nhận).

Nay anh xác định việc bà T yêu cầu anh trả cho bà số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng là không đúng do hiện nay anh chỉ có nợ bà T số tiền gốc 10.000.000 đồng, anh yêu cầu Tòa án xem xét lại những khoản lãi mà anh và chị H đã đóng cho bà T để khấu trừ qua nợ gốc, anh yêu cầu được trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ gốc sau khi đã khấu trừ. Riêng đối với khoản nợ 7.000.000 đồng mà chị H nhờ anh hỏi vay đủ thì anh và chị H sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

- Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày: Chị là bạn của anh Ph, khoảng tháng 7-8/2015, chị có nhờ anh Ph hỏi vay đủ số tiền 7.000.000 đồng, sau đó thì anh Ph hỏi vay bà T và đưa số tiền 7.000.000 đồng cho chị, chị và anh Ph thống nhất là anh Ph sẽ chịu trách nhiệm trả khoản nợ 7.000.000 đồng cho bà T thay cho chị, còn khoản lãi tiền đứng mỗi ngày 70.000 đồng thì chị sẽ đưa cho anh Ph đóng cho bà T, chị đưa cho anh Ph đóng được 01 tháng với số tiền 2.100.000 đồng thì anh Ph kêu chị trực tiếp đóng cho bà T, từ đó chị tiếp tục đóng cho bà T thêm 02 tháng nữa với số tiền là 4.200.000 đồng, tổng cộng chị đã đóng cho bà T được 6.300.000 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay chị có ý kiến số tiền 7.000.000 đồng mà chị nhờ hỏi vay đủ sẽ do anh Ph trả cho bà T, sau

đó thì chị và anh Ph sẽ thỏa thuận riêng, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, chị yêu cầu Tòa án xem xét lại những khoản lãi mà chị và anh Ph đã đóng cho bà T để khấu trừ qua nợ gốc của anh Ph.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2017 cũng như biên bản hòa giải và biên bản đối chất ngày 19/4/2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan – ông Trang Thanh Q trình bày thống nhất như sau: Ông quen biết bà T khoảng 01 năm nay, sau đó thì ông có nhậu chung với vợ chồng bà T, tại cuộc nhậu thì bà T mới gọi điện thoại kêu anh Ph lại nhậu, khi anh Ph đến thì bà T có nói là Phước còn nợ tiền bà T, khoảng bao nhiêu thì ông không nghe rõ, lúc đó ông có nghe anh Ph nói là sẽ về bàn với mẹ ruột để thỏa thuận vấn đề trả nợ cho bà T, từ thời điểm đó ông mới biết anh Ph, khoảng thời gian nào thì ông không nhớ rõ. Đến tối ngày 17/02/2016, anh Ph hẹn vợ chồng bà T ra quán café 007 ở đường S, P. Th, TP. G để thỏa thuận việc trả nợ, lúc đó bà T có rủ ông ra để chứng kiến. Tại quán café có mặt ông, vợ chồng bà T, anh Ph cùng người bạn tên là H. Lúc đó, anh Ph và bà T thống nhất là anh Ph chỉ còn nợ bà T số tiền 14.000.000 đồng, anh Ph trả trước số tiền 4.000.000 đồng vào ngày hôm sau và yêu cầu ông chứng kiến đồng thời nhận dùm số tiền 4.000.000 đồng cho bà T. Khoảng 16-17 giờ ngày 18/02/2016, anh H có gọi cho ông để ra quán cafe AMI ở đường Kh, ngang bến xe 30 Tháng 4, P. Th, TP. G, tại đó thì anh Ph trực tiếp giao 4.000.000 đồng tiền mặt cho ông nhận, các bên có lập biên nhận vào ngày đó với nội dung “anh Ph có giao cho ông số tiền 4.000.000 đồng để trả nợ cho bà T, số tiền 10.000.000 đồng sẽ trả trong ngày 05/3/2016”, nội dung này do anh H bạn của anh Ph viết; ở phía dưới cùng của biên nhận ông có viết xác nhận nội dung “tôi có nhận 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) còn nợ lại 10.000.000 đồng”, riêng dòng chữ trên cùng phía dưới chữ “BIÊN NHẬN” không phải là dòng chữ của ông và ông cũng không có ký xác nhận nội dung đó, ông cũng không biết là do ai viết ra do tại thời điểm lập biên nhận không có dòng chữ này. Đến sáng ngày 19/02/2016 thì ông giao lại số tiền 4.000.000 đồng cho bà T và có nói là anh Ph đưa trước 4.000.000 đồng, khoảng vài bữa sau sẽ trả số tiền 10.000.000 đồng còn nợ lại. Lúc đó bà T không có phản ứng gì hết. Ông khẳng định là có chứng kiến việc thỏa thuận trả nợ là anh Ph còn nợ bà T số tiền 14.000.000 đồng, đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại bà T 10.000.000 đồng.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017, người làm chứng – anh Mai Văn H trình bày: Vào cuối năm 2015, anh là thợ xây dựng thi công đường S và có

thuê một phần nhà gia đình anh Ph để làm kho chứa vật liệu xây dựng nên anh bắt đầu quen biết với anh Ph từ thời điểm đó, ngoài ra thì anh còn quen biết với ông Trang Thanh Q, riêng đối với bà T thì anh không có quen biết. Do anh nghe anh Ph nói bà T ở cùng xóm nhiều lần đến nhà anh Ph mắng chửi, yêu cầu trả nợ nên anh mới liên hệ với ông Trang Thanh Q mời ra quán café 007 ở đường S để thỏa thuận về khoản nợ của anh Ph, lúc đó thì anh mới biết mặt bà T. Cụ thể là vào khoảng 17-18 giờ ngày 17/02/2016, lúc đó có mặt anh, anh Ph, vợ chồng bà T, ông Q cùng một số người bạn của ông Q. Do ông Q nói bà T đã chuyển giao quyền đòi nợ anh Ph sang cho ông Q nên anh và ông Q trực tiếp thỏa thuận việc trả nợ của anh Ph. Lúc đó giữa anh Ph, anh, ông Q cùng vợ chồng bà T thống nhất là anh Ph còn nợ bà T tổng cộng 14.000.000 đồng, anh Ph sẽ giao trước cho ông Q 4.000.000 đồng vào ngày hôm sau, số tiền 10.000.000 đồng còn lại chậm nhất là ngày 05/3/2016 sẽ trả đủ. Do các bên đã thống nhất nên khoảng 16 giờ ngày 18/02/2016, anh có gọi cho ông Q ra quán cafe AMI ngang bến xe 30 Tháng 4, tại đó có mặt anh, anh Ph và ông Q, anh Ph trực tiếp giao 4.000.000 đồng tiền mặt cho ông Q nhận, các bên có lập biên nhận vào ngày đó, nội dung trong biên nhận do anh viết, lúc đó anh Ph và ông Q cùng ký tên vào biên nhận. Khoảng 10 ngày sau thì bà T lại tiếp tục đến gia đình anh Ph photo biên nhận nợ rải đầy trước nhà gia đình anh Ph và la lối nói rằng anh Ph mượn nợ mà không trả với mục đích nhục mạ gia đình anh Ph. Sau đó gia đình anh Ph mới trình báo sự việc đến khu phố S và UBND phường VT để làm rõ hành vi của bà T. Anh khẳng định là có chứng kiến việc thỏa thuận trả nợ là anh Ph còn nợ bà T số tiền 14.000.000 đồng, đã trả được 4.000.000 đồng, còn nợ lại bà T 10.000.000 đồng. Do có chứng kiến nội dung thỏa thuận và lập biên nhận ngày 18/02/2016 nên UBND phường VT triệu tập anh lên tham gia hòa giải vào ngày 08/4/2016, lúc đó bà T có nói là anh Ph phải trả cho bà số tiền 10.000.000 đồng trong một lần, anh Ph đề nghị trả một lần 5.000.000 đồng là dứt điểm do bà T đã lấy lãi quá nhiều, hoặc là trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền 10.000.000 đồng, bà T không đồng ý nên hòa giải không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T yêu cầu bị đơn – anh Lê Hồng P thanh toán số tiền nợ vay gốc đã vi phạm nghĩa vụ là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà Ngô Thị Minh T và anh Lê Hồng P là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại TP. G, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP. G, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả khoản nợ gốc 15.000.000 đồng:

- biên nhận nợ số tiền 19.000.000 đồng thể hiện nội dung: “con Phước có nợ dì Thu: 19.000.000 đồng”. Bà T và anh Ph thống nhất khoảng tháng 4/2015, bà có cho anh Ph vay số tiền 12.000.000 đồng, đến khoảng tháng 7-8/2015, anh Ph vay bà thêm số tiền 7.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần vay là 19.000.000 đồng, các bên có lập biên nhận nợ số tiền 19.000.000 vào khoảng tháng 7/8/2015.

- Thời hạn trả số tiền 19.000.000 đồng: Bà T và anh Ph đều không thống nhất thời hạn trả nợ và cũng không có tài liệu, chứng minh về thời hạn trả nợ.

- Hình thức cho vay tiền: Bà T xác định cho anh Ph vay tiền lấy lãi hàng tháng với lãi suất là 4%/tháng. Anh Ph và chị H cho rằng khoản nợ 12.000.000 đồng được chia làm 02 hình thức trả: 5.000.000 đồng trả góp mỗi ngày 200.000 đồng, trả đủ 30 ngày (6.000.000 đồng) là xong khoản nợ trên; 7.000.000 đồng trả tiền đứng mỗi ngày 70.000 đồng, khi nào có nguồn tiền sẽ trả hết nợ gốc 7.000.000 đồng. Ngoài biên nhận nợ 19.000.000 đồng thì bà T, anh Ph và chị H đều xác định không có nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh về hình thức cho vay và thỏa thuận lãi suất như đã trình bày.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định thỏa thuận giữa bà T và anh Ph là hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi, anh Ph có vay tiền và nhận đủ số tiền 19.000.000 đồng của bà T là sự thật, phù hợp với quy định tại Điều 471, 474, 477 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Xét ý kiến phản bác của anh Ph về việc cho rằng hiện chỉ còn nợ bà T số tiền gốc 10.000.000 đồng: Anh Ph xác định sau khi giữa anh và bà T tranh chấp về số tiền mà anh còn nợ thì bà T có nhờ ông Q đến gặp anh để yêu cầu trả nợ nên đến tối ngày 17/02/2016 thì giữa anh, bà T, ông Q cùng với sự chứng kiến của anh H đã thống nhất xác định là anh chỉ còn nợ bà T số tiền 14.000.000 đồng, trả trước 4.000.000 đồng vào ngày 18/02/2016, số tiền 10.000.000 đồng còn lại sẽ trả vào ngày 05/3/2016; anh Ph thực hiện đúng như cam kết và có lập biên nhận ngày 18/02/2016 thể hiện nội dung thỏa thuận trên, việc bà T không có ký tên vào biên nhận trên là do ngày 17/02/2017 bà T đã đồng ý xác nhận nợ và giao cho ông Q trực tiếp gặp anh để lấy tiền, sự việc trên đã được ông Q và anh H xác nhận tại Tòa án. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông Q khai nhận nội dung thỏa thuận trả nợ trùng khớp với lời trình bày của anh Ph. Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2017 cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh H xác định anh hoàn toàn không có mối quan hệ thân thích với một trong các bên đương sự, anh xác định có chứng kiến toàn bộ nội dung sự việc thỏa thuận trả nợ giữa bà T, ông Q và anh Ph. Tại phiên tòa, bà T thống nhất với nội dung khai nhận của ông Q trong biên bản lấy lời khai ngày 07/4/2017 nhưng vẫn xác định là không có sự việc bà đồng ý thỏa thuận trả nợ như phía anh Ph, ông Q, anh H đã trình bày. Quá trình xem xét toàn diện nội dung thỏa thuận trả nợ thông qua lời trình bày và sự thừa nhận của các đương sự trong vụ án, việc khai báo, cung cấp thông tin của người làm chứng là khác quan, phù hợp với những tình tiết, sự kiện thỏa thuận, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 78, Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định sự việc thỏa thuận trả nợ như anh Ph trình bày là sự thật, anh Ph đã trả được 4.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ bà T số tiền 10.000.000 đồng.

[2] Xét yêu cầu của anh Ph và chị H về việc tính lại số tiền lãi đã đóng cho bà T để khấu trừ qua nợ gốc: Anh Ph và chị H xác định trong khoảng thời gian từ tháng 8 đến cuối năm 2016, anh Ph đã đóng lãi cho bà T được 45 ngày với số tiền 3.150.000 đồng, chị H đã đóng lãi được thêm 03 tháng nữa với số tiền là 6.300.000 đồng, tổng cộng anh Ph và chị H đã đóng lãi cho bà T được 9.450.000 đồng. Tất cả những lần trả nợ gốc và nợ lãi như trình bày, anh Ph và chị H đều không có biên nhận, sổ sách ký nhận cũng như không có nguồn tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh sự việc trên nhưng anh Ph khẳng định bà T có sổ sách ghi lại số tiền nợ, những lần anh đi đóng lãi, trả nợ gốc. Bà T khẳng định ở lần cho vay số tiền

12.000.000 đồng vào tháng 4/2015 có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng, anh Ph đóng lãi cho bà được 600.000 đồng vào tháng 5/2016 thì ngưng; ở lần cho vay số tiền 7.000.000 đồng vào tháng 8/2015 không có thỏa thuận lãi suất nên bà không có ghi sổ sách theo dõi, sự việc anh Ph trình bày là không đúng. Việc anh Ph và chị H cho rằng có đóng lãi cho bà T tổng số tiền 9.450.000 đồng nhưng lại không có tài liệu, chứng cứ chứng minh sự việc đóng lãi trên, bà T cũng không thống nhất với ý kiến của anh Ph và chị H, số tiền lãi 600.000 đồng đã đóng từ tháng 5/2015 tính đến nay đã hơn 02 năm là thấp hơn so với quy định của pháp luật về thỏa thuận lãi suất. Do đó, căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định không có cơ sở để xem xét lại phần lãi đã đóng theo yêu cầu của anh Ph và chị H.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T, buộc bị đơn – anh Lê Hồng P có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ gốc 10.000.000 đồng.

Về án phí sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc bị đơn – anh Lê Hồng P chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận là 300.000 đồng. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 375.000 đồng mà nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003338 ngày 27/02/2017, nên nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T được hoàn trả lại số tiền 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 471, 474 và 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH124, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. - Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T đối với khoản nợ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản” đối với bị đơn – anh Lê Hồng P.

2. Buộc bị đơn – anh Lê Hồng P có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng)

3. Về án phí:

- Buộc bị đơn – anh Lê Hồng P chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí: 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

- Hoàn trả cho nguyên đơn – bà Ngô Thị Minh T số tiền tạm ứng án phí: 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm nghìn đồng).

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trương Hoài Khanh Trần Lệ Nga

Đào Đức Luân

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. G;
- Chi cục THA dân sự TP. G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân

